

Số: 732/2025/QĐST-HNGĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 712/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trần Trọng T - sinh ngày 20/11/1971; CCCD: 051071000033 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 23/9/2022.

ĐKTT: đường S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Bùi Thị Bích H - sinh ngày 20/10/1973; CCCD: 051173003828 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022.

ĐKTT: đường S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: đường số 2, khu dân cư B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2003 do Ủy ban nhân dân Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2003 thì ông Trần Trọng T và bà Bùi Thị Bích H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trọng T và bà Bùi Thị Bích H tự nguyện tìm hiểu được khoảng gần 02 năm và tiến đến hôn nhân, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sống chung từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116/2003,

ngày 21/8/2003. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu cũng hạnh phúc tuy nhiên thời gian về sau thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, dần dần thấy xa cách, không còn quan tâm đến nhau. Từ tháng 11/2024 vợ chồng sống ly thân, mỗi người cuộc sống riêng. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Mai Chi, sinh ngày 05/10/2003 (đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Trần Mai Anh, sinh ngày 13/12/2010. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Mai Anh cho bà Bùi Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Trọng T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Trần Trọng T tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trọng T và bà Bùi Thị Bích H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Mai C, sinh ngày 05/10/2003 (đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Trần Mai A, sinh ngày 13/12/2010. Giao trẻ Trần Mai A cho bà Bùi Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Trọng T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện.

Ông Trần Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Trần Trọng T chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Trọng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Trần Trọng T tự nguyện chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0040412 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Tp. HCM;
- UBND Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh
(nay là UBND phường H, Thành phố Hồ Chí Minh);
- Phòng THADS khu vực 4 – Tp.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Ngọc Tâm